VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Chờ đợi tín hiệu Fed – Đón sóng nâng hạng

Lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài tăng cao



Kỳ vọng lãi suất



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- Dữ liệu lạm phát tháng 8 của Mỹ giữ nguyên 3,4% YoY như dự báo, cùng với PPI tăng vọt lên 5,4% YoY, đẩy lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn dài áp sát mốc 5% (lợi suất kỳ hạn 30 năm vượt 5,36%, cao nhất từ 2004), củng cố kỳ vọng Fed tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 9 này lên 72,4% (cập nhật 11/9, theo CME FedWatch) trong bối cảnh lạm phát nền chưa cải thiện rõ so với mục tiêu 2% và dòng vốn ồ ạt vào hạ tầng AI tiếp tục đẩy lợi suất dài hạn đi lên.

Việt Nam

- **Tiêu điểm tuần**: Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng theo từng tháng, từng quý; chủ động nhận diện những điểm nghẽn ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng hai con số.

- Chỉ số DXY giảm 0,1% WoW xuống mức 99,1. Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,55% WoW, với tỷ giá bán VCB ngày 12/9 là 26.110. NHNN bơm 47,2 nghìn tỷ đồng qua OMO trong tuần trước tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%. Lãi suất qua đêm ngày 10/9 giảm mạnh xuống 1,68% (-433bps WoW).

- **VN-Index: 1795,21 (-3% WoW) - đứt mạch sau 3 tuần hồi phục liên tiếp do áp lực bán tháo dồn dập**. Thanh khoản thị trường quay về mức thấp cũ (12 nghìn tỷ/ngày, giảm 11% WoW).

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp (dưới ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 1% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 22%). Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Những yếu tố cần theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước; 3) Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên thị trường chứng khoán.

- **Ngưỡng hỗ trợ: 1700-1750. Ngưỡng kháng cự: 1850.**

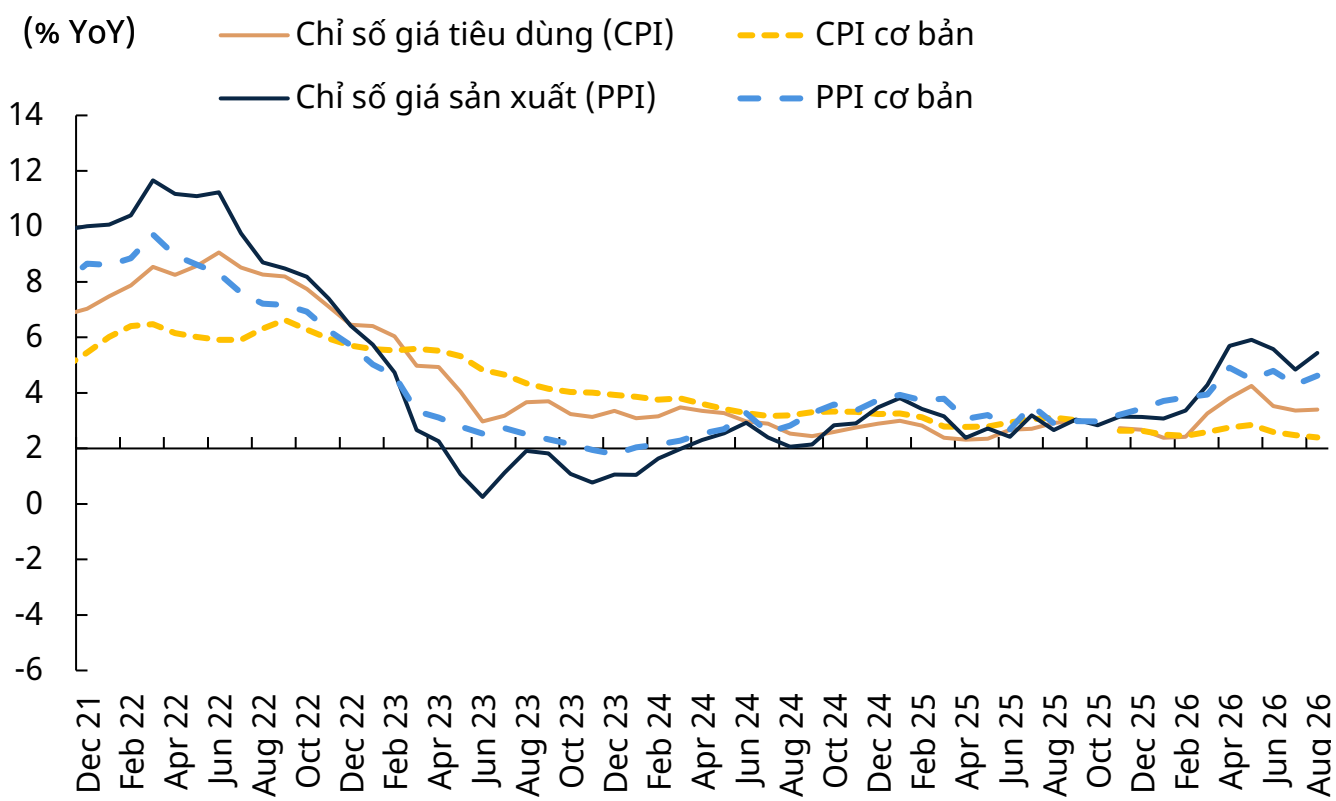
Bối cảnh toàn cầu: Rủi ro các NHTƯ lớn đồng loạt thắt chặt trước áp lực lạm phát dai dẳng

- **Chỉ số CPI tháng 8 tăng 0,4% MoM, giữ nguyên 3,4% YoY, cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Fed**. Đáng chú ý, CPI lõi tăng 0,3% MoM, cao hơn dự báo 0,2% dù CPI lõi YoY vẫn giảm nhẹ về 2,4%, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2021 cho thấy sự phân kỳ giữa biến động ngắn hạn và xu hướng hạ nhiệt lạm phát nền dài hạn.

- **PPI toàn phần tháng 8 tăng vọt** +0,4% MoM, +5,4% YoY (cao hơn dự báo 5,3%), chủ yếu do giá năng lượng dẫn dắt. PPI lõi cũng tăng tốc lên 4,6% YoY (từ 4,3%), cho thấy áp lực giá nền đang gia tăng, củng cố rủi ro lạm phát dai dẳng mà Fed phải cân nhắc trong quyết định lãi suất sắp tới.

- **NHTƯ Châu Âu tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 2,50%** tại cuộc họp tháng 9 khi áp lực lạm phát năng lượng buộc các NHTƯ lớn trên toàn cầu đồng loạt thắt chặt chính sách, qua đó gia tăng áp lực lên chi phí vốn và tỷ giá tại các thị trường mới nổi.

Mức thay đổi chỉ số PPI và lạm phát Mỹ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ BEA. cập nhật tới ngày **11/09/2026**

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu toàn cầu tiếp tục tăng mạnh ở kỳ hạn dài

- **Chỉ số S&P 500 giảm 1% WoW xuống 7656,9 điểm, trong khi chỉ số nhóm cổ phiếu ngành bán dẫn giảm nhẹ 1% trong tuần trước.**

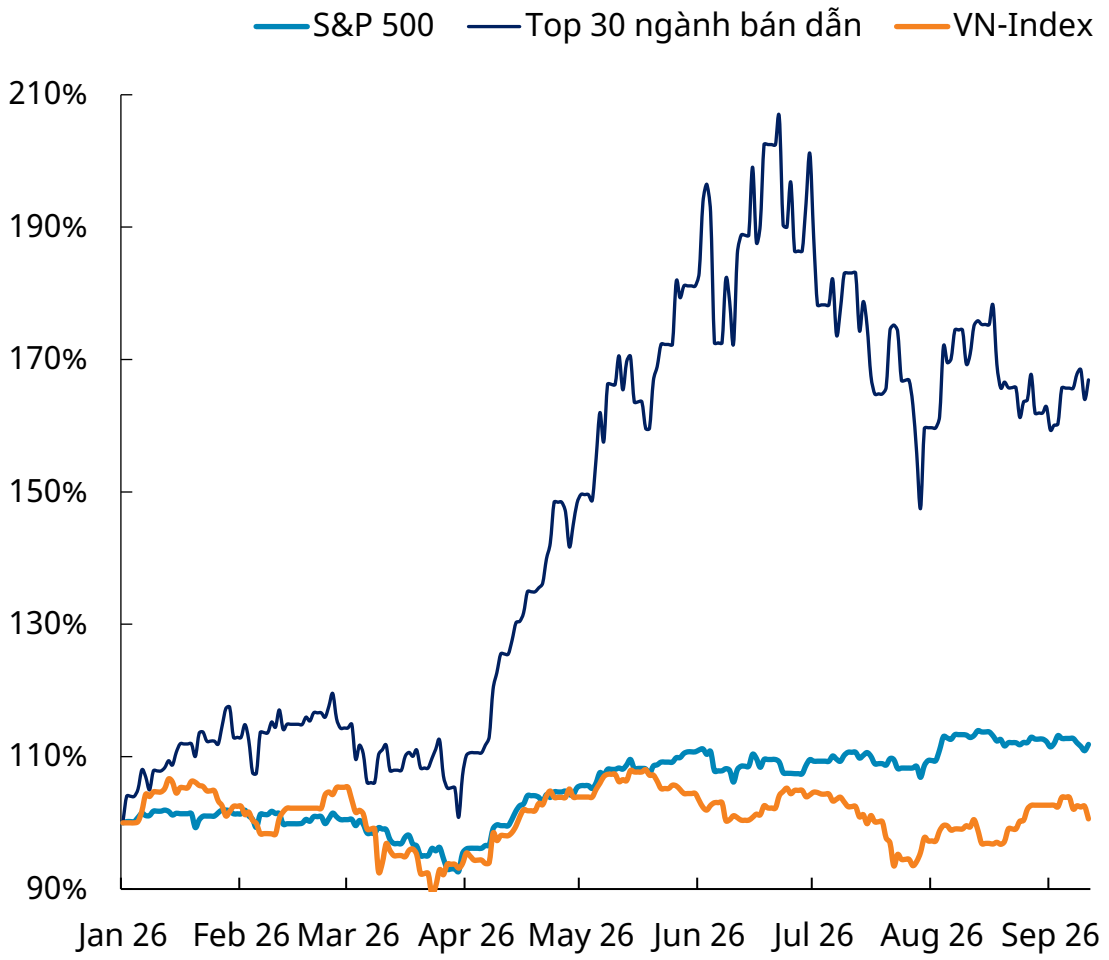
- **Lợi suất trái phiếu Mỹ áp sát ngưỡng tâm lý quan trọng**. Lợi suất kỳ hạn 10 năm tăng lên 4,97% trong phiên 10/9, cao nhất kể từ tháng 11/2023; lợi suất kỳ hạn 30 năm vọt lên 5,36%, mức cao nhất trong gần 2 thập kỷ.

- **Ngày 9/9, Bộ Tài chính Mỹ chính thức công bố kế hoạch mua lại tối đa 6 tỷ USD trái phiếu kỳ hạn 10-20 năm** trong phiên đấu giá ngày 10/9 với quy mô gấp 3 lần đợt mua lại gần nhất nhằm giảm áp lực lên chi phí vốn dài hạn. Diễn biến này càng làm nổi bật lo ngại về khả năng kiểm soát chi phí vay dài hạn của Chính phủ Mỹ, trong bối cảnh tổng nợ công đã vượt mốc 40,000 tỷ USD.

- **Kỳ vọng tăng lãi suất áp đảo**: Theo CME FedWatch, xác suất Fed tăng lãi suất sau các đợt công bố chỉ số và thị trường việc làm tăng mạnh từ 49,4% (3/9) lên mức 72,4% (cập nhật 11/9) cho thấy kỳ vọng thị trường đã đảo chiều hoàn toàn nghiêng sang gần như chắc chắn Fed sẽ tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 9.

- **Sự kiện quan trọng sắp tới**: 1) Quyết định lãi suất của Fed và NHTƯ Nhật Bản; 2) Dự báo kinh tế FOMC; 3) Cuộc họp báo của Fed

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

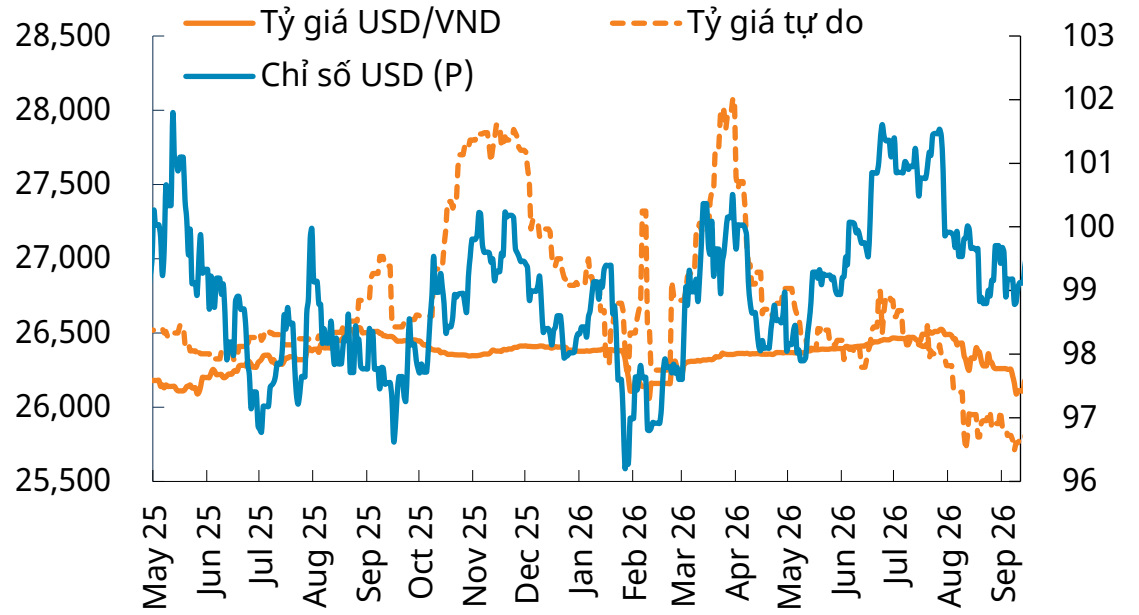


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **11/09/2026**

Tỷ giá tiếp tục giảm (-1% YTD)

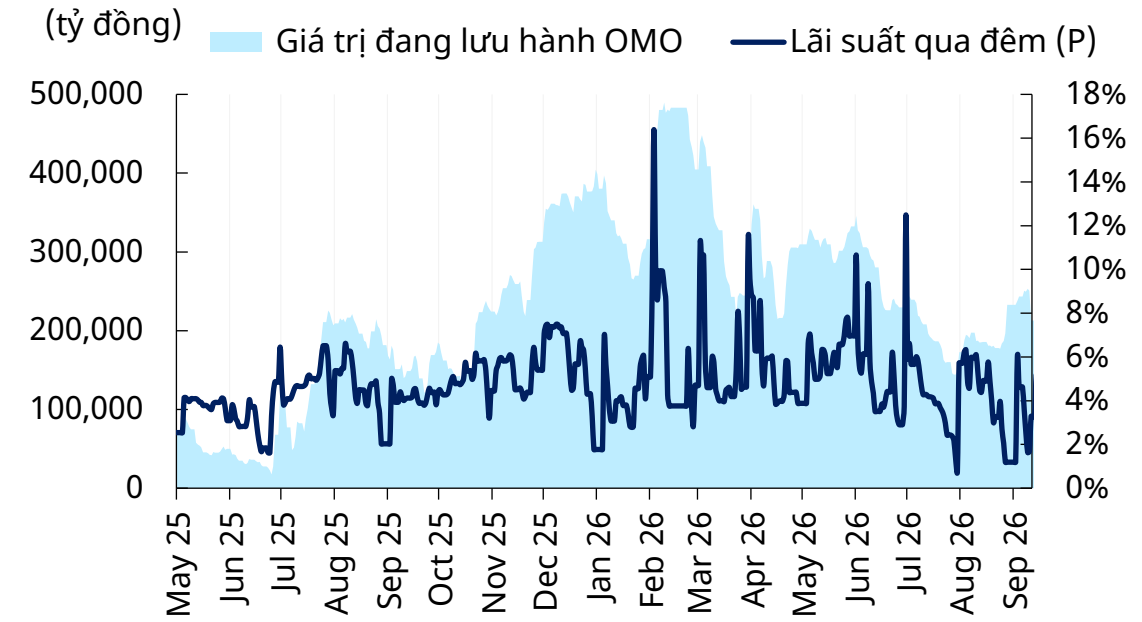
- **Chỉ số DXY giảm 0,1% WoW xuống mức 99,1 (vào ngày 11/9) sau đợt tăng liên tiếp trước đó.**
- **Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,55% WoW**, với tỷ giá bán VCB ngày 12/9 là 26.110 (-0,55% WoW; -1% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.780 (-0,12% WoW; -3,9% YTD).
- Trong tuần 7–11/9, NHNN bơm 47,2 nghìn tỷ đồng qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **giá trị đang lưu hành OMO giảm 30,5 nghìn tỷ đồng**. Lãi suất qua đêm ngày 10/9 giảm mạnh xuống 1,68% (-433bps WoW).

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



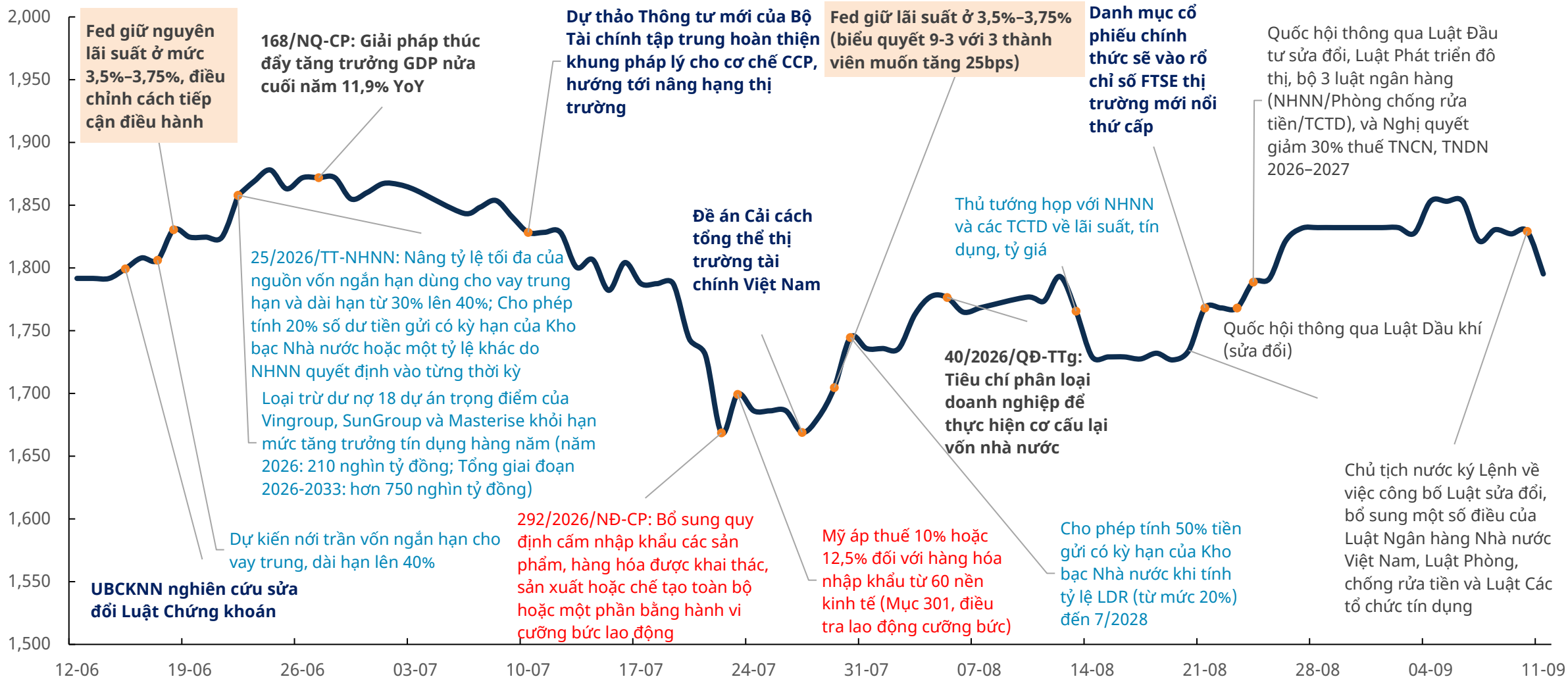
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **11/09/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 11/09/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 10/09/2026**

Chủ tịch nước ký Lệnh công bố Luật sửa đổi Luật NHNN, Luật Phòng chống rửa tiền và Luật Các TCTD.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 11/09/2026**

Bộ Tài chính đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm kiên định mục tiêu phấn đấu tăng trưởng

- **Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1537/QĐ-BXD** vào ngày 4/9 phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ làm cơ quan đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2026-2030.

- Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026 diễn ra ngày 3/9 vừa qua, **Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng** theo từng tháng, từng quý; chủ động nhận diện những điểm nghẽn ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng để tập trung tháo gỡ, quyết tâm cao nhất đạt mục tiêu đề ra.

- **Bộ Tài chính được giao khẩn trương hoàn thiện phương án cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước gắn với niêm yết nhằm tăng hàng hóa cho thị trường chứng khoán**, song song với việc tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

Nhóm nhiệm vụ trọng tâm

Nhóm	Nội dung chính
Tài khóa & đầu tư công	Đẩy mạnh giải ngân, phấn đấu đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công và không để dồn vào các tháng cuối năm, đi kèm tăng cường quản lý thu, chống thất thu ngân sách và triển khai các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán.
Tiền tệ & tín dụng	NHNN tiếp tục tăng cung thanh khoản cho hệ thống, điều hành tín dụng linh hoạt và hướng dòng vốn vào sản xuất, xuất khẩu cùng các lĩnh vực ưu tiên, song song với đẩy nhanh xử lý nợ xấu và các tổ chức tín dụng yếu kém.
Bình ổn giá & lạm phát	Cập nhật kịch bản điều hành giá xăng dầu và sử dụng linh hoạt Quỹ bình ổn giá, đồng thời kiểm soát chặt giá dịch vụ y tế, giáo dục và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tăng giá bất hợp lý.
Sản xuất, xuất khẩu & tiêu dùng	Rà soát, hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết, xử lý các vấn đề phát sinh trong đàm phán thương mại với Hoa Kỳ và triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng dịp lễ, Tết cuối năm.
Đầu tư hạ tầng & thể chế	Đẩy nhanh tiến độ các dự án cao tốc trọng điểm kết nối vùng, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư tại chỗ, đồng thời tiếp tục hoàn thiện thể chế và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1795,21 (-3% WoW) – Áp lực chốt lời lan rộng

- **Sụt giảm về mức 1795 điểm sau đợt bứt phá trước đó**: VN-Index đảo chiều giảm 3% trong tuần qua, đánh mất mốc tâm lý 1800 điểm trước các cú sốc vĩ mô toàn cầu trong ngắn hạn. Nguyên nhân chính đến từ sự cộng hưởng của hai áp lực: lạm phát Mỹ tái tăng tốc và căng thẳng địa chính trị. Đáng chú ý, dòng vốn ngoại tỏ ra thận trọng hơn trong bối cảnh chi phí vốn toàn cầu tăng lên, cho thấy hiệu ứng nâng hạng và rủi ro vĩ mô toàn cầu đang giằng co lẫn nhau đi ngược với kỳ vọng ban đầu của thị trường.

- **Thanh khoản sụt giảm ở mức thấp**: Thanh khoản thị trường giảm xuống 12 nghìn tỷ/ngày, giảm 11% so với tuần trước đó, cho thấy tâm lý thị trường vẫn còn đang thận trọng chờ đợi tín hiệu tích cực.

    - **Bất động sản:** Điều chỉnh nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC -5%, VHM -4,3%, VRE -3,4% WoW).

    - **Dầu khí**: Nổi bật trong tuần với cổ phiếu BSR (+3,4% WoW) và PVT (+9,4% WoW). Dòng tiền vào ngành dầu khí duy trì ở mức tích cực nhờ vào 2 yếu tố: 1) Giá dầu Brent tăng vọt và 2) Luật Dầu khí (sửa đổi) được thông qua vào 23/8.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,798**	**100%**	**-3%**	15%	**-11%**
Bất động sản	2,999	34%	-4%	62%	-16%
Ngân hàng	2,566	29%	-2%	15%	-20%
Tiêu dùng thiết yếu	598	7%	-2%	8%	-23%
Dịch vụ tài chính	491	6%	-5%	23%	9%
Nguyên vật liệu	430	5%	-3%	38%	-20%
Tiện ích	339	4%	-1%	15%	-25%
Tiêu dùng không thiết yếu	288	3%	-4%	8%	-23%
Vận tải	268	3%	-2%	15%	-18%
Xây dựng cơ bản	241	3%	-3%	8%	-1%
Dầu khí	216	2%	2%	**92%**	49%
CNTT	132	2%	0%	38%	70%
Bảo hiểm	60	1%	-2%	15%	-19%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **11/09/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E dưới ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 1% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 22%. Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Đợt giải ngân đầu tiên của FTSE cận kề**: dòng vốn nâng hạng dự kiến giải ngân giai đoạn 1 (tỷ trọng 10%) với thời gian hiệu lực chính thức từ ngày 21/9, đồng thời đưa Việt Nam nâng vị thế trong rổ FTSE All-World từ 48 lên 49 quốc gia.

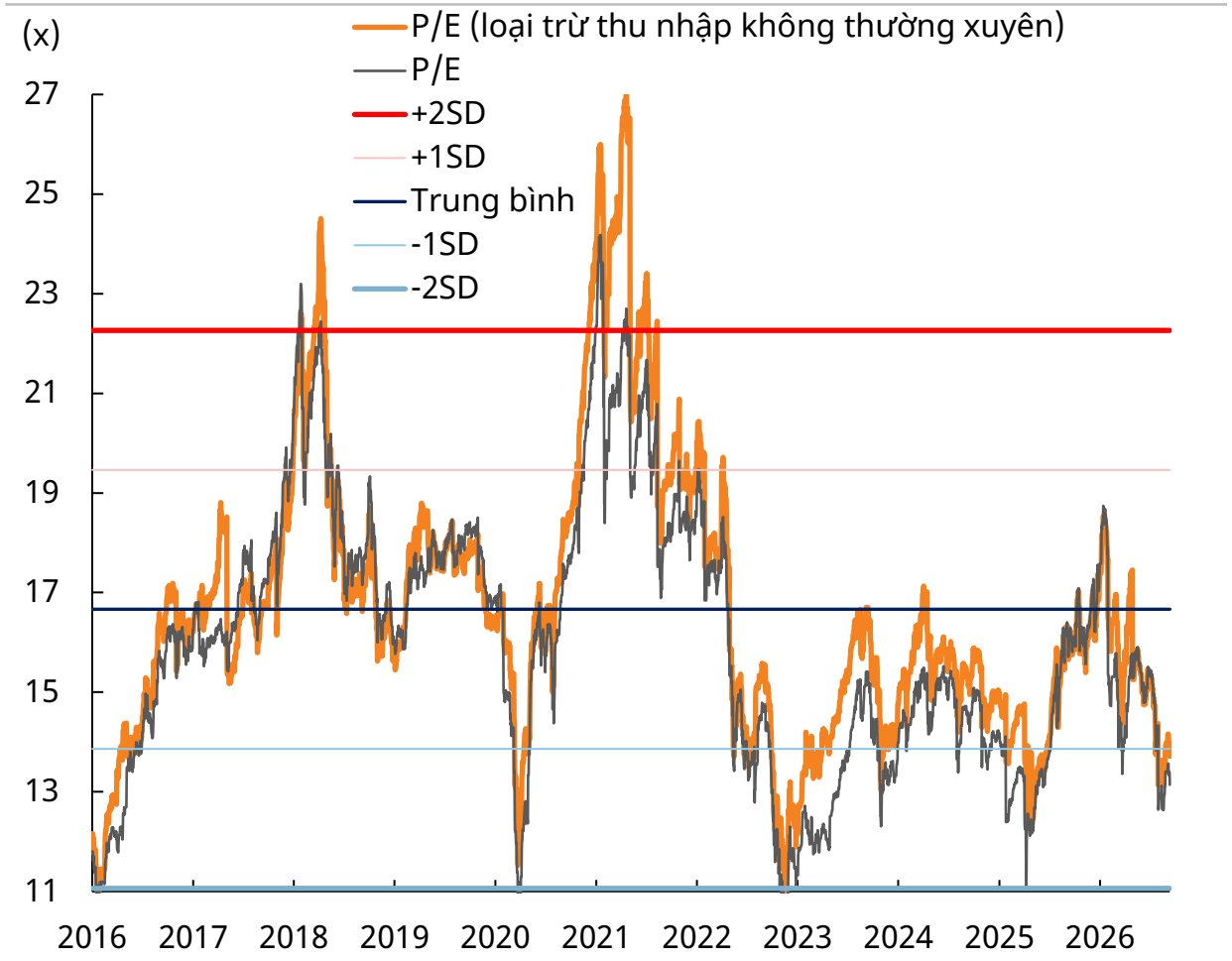
- **Những yếu tố cần theo dõi:**

    1) **Rủi ro bên ngoài** về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ (đặc biệt là cuộc họp FOMC tháng 9)

    2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước**. Chính phủ tiếp tục đẩy nhanh hoàn thiện khung pháp lý đất đai (Luật Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh BĐS) song song với cơ cấu lại vốn Nhà nước và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công

    3) **Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên TTCK**

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **11/09/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,798,181**	**46.0**	**1,795.21**	**1,830.95**	**1,761.79**	**-1.9**	**-3.1**	**1.2**	**-0.2**	**13.7**	**2.0**	**16.1**	**13.2**	**30.7**
VN30 Index		**6,742,465**	**44.3**	**1,936.69**	**1,976.97**	**1,916.63**	**-2.0**	**-2.4**	**0.7**	**-0.5**	**11.5**	**2.0**	**18.1**	**16.0**	**22.7**
VN100 Index		**8,065,533**	**46.8**	**1,838.59**	**1,876.34**	**1,827.32**	**-2.0**	**-3.0**	**0.0**	**-1.8**	**11.3**	**1.7**	**15.6**	**14.3**	**28.9**
Bất động sản	VIC	1,888,540	30	243,300	248,300	205,500	-1.8	-5.0	16.7	24.1	86.9	10.8	12.6	3.2	44.9
	VHM	591,467	30	72,000	74,000	71,200	-1.5	-4.3	-0.1	-0.3	7.5	2.2	33.1	6.8	43.2
	VPL	147,947	15	82,500	85,000	77,400	-1.8	6.5	5.2	-8.2	49.4	3.4	7.5	6.4	42.6
	VRE	58,171	40	25,600	26,300	25,200	-3.2	-3.4	0.6	-12.2	8.0	1.2	15.5	11.2	37.8
	BCM	40,210	4	38,850	43,800	38,800	-4.5	-8.2	-5.6	-27.0	21.2	1.8	8.9	0.3	33.7
	NVL	29,305	55	12,200	14,000	12,200	-5.1	-6.5	-10.0	-6.2	6.6	0.6	9.6	3.5	45.5
	KBC	24,957	65	26,500	28,500	26,500	-1.9	-2.2	-6.0	-14.5	21.8	1.0	4.7	6.9	42.1
	VPI	20,982	50	59,600	61,200	54,273	-2.9	-4.8	9.3	7.7	52.1	3.9	7.7	10.5	38.6
	KDH	18,292	65	16,300	18,400	16,200	-4.1	-5.8	-10.4	-30.2	11.2	1.0	9.0	23.9	26.1
	SJS	16,837	80	56,600	56,800	46,300	-0.4	-2.6	19.5	15.5	27.6	4.4	17.4	16.1	33.9
	DXG	13,632	80	10,750	11,200	10,700	-4.4	-8.9	-2.7	-17.0	67.9	1.0	1.4	0.6	49.4
	NLG	11,984	80	24,700	24,900	22,550	-0.4	-3.9	8.8	-6.6	20.0	1.0	5.3	6.8	43.2
	SIP	11,742	45	48,500	51,400	48,500	-1.0	-0.8	-4.7	-6.7	8.6	2.4	27.6	9.9	39.1
	TCH	11,739	60	11,700	12,050	11,000	-3.3	-4.1	5.1	-14.2	39.3	1.0	2.9	2.3	46.7
	PDR	11,724	60	11,750	12,450	11,600	-2.1	-3.7	-2.9	-21.7	18.9	0.9	4.9	37.2	12.8
	TAL	11,164	30	22,150	25,300	22,150	-4.3	-9.8	-10.7	-22.6	13.8	2.0	16.2	10.1	41.0
	DIG	8,484	95	10,050	10,566	9,970	-2.0	-4.0	-3.2	-16.1	10.9	0.8	8.4	2.5	46.5
	KOS	7,198	40	33,250	35,000	32,800	-0.9	-2.5	-5.0	-13.2	262.4	3.1	1.2	0.1	48.9
	HDG	6,491	60	15,950	17,100	15,900	-1.2	-8.9	-5.1	-25.1	8.8	1.0	11.3	15.9	34.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **11/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	486,300	11	58,200	60,800	58,200	-1.4	-1.2	-2.7	-5.5	11.7	2.0	18.0	19.9	10.1
	BID	276,906	6	35,600	37,344	35,600	-2.1	-2.5	-2.7	-8.1	8.4	1.4	16.5	17.5	12.5
	CTG	232,620	15	29,950	32,800	29,900	-2.0	-4.6	-7.3	-10.2	5.8	1.2	22.2	24.6	5.4
	TCB	223,925	55	31,600	32,300	30,700	-2.5	-3.1	1.9	2.4	8.3	1.2	16.1	20.8	1.7
	VPB	213,819	55	26,950	27,600	25,500	-2.0	-3.1	5.7	3.7	7.2	1.2	18.3	22.8	7.2
	MBB	182,949	50	19,750	20,550	19,750	-1.7	-3.9	-2.9	-3.6	6.4	1.3	22.1	22.1	1.1
	STB	145,727	95	77,300	79,000	74,200	-0.9	0.0	4.0	8.4	23.8	2.3	5.0	1.5	3.5
	LPB	139,506	90	46,700	53,800	46,500	-3.0	-4.7	-13.0	1.4	12.4	3.2	27.0	10.8	19.2
	HDB	134,141	80	26,800	27,200	26,600	-2.4	-1.5	-0.4	6.8	6.7	1.6	25.8	21.7	5.3
	ACB	127,988	85	22,050	22,750	22,000	-1.6	-0.7	-2.6	-6.0	8.2	1.3	16.8	23.7	6.4
	SSB	62,747	55	18,300	18,400	15,250	1.7	4.9	18.8	26.2	21.7	1.5	7.1	3.7	26.3
	SHB	61,720	75	11,550	12,150	11,500	-1.7	-4.1	-2.9	-15.4	4.4	0.7	17.5	0.3	29.7
	VIB	49,388	55	13,250	13,744	13,250	-3.3	-3.6	-2.0	-9.0	6.7	1.0	16.2	3.4	1.6
	MSB	48,485	70	12,950	13,583	12,750	0.0	-1.5	-4.4	6.4	8.2	1.1	13.9	7.2	22.9
	TPB	39,253	55	14,150	14,900	14,150	-2.1	-3.7	-3.7	-10.7	5.2	0.9	18.0	22.0	8.0
	EIB	31,294	80	16,800	18,400	16,600	-0.3	-1.5	-7.2	-18.2	63.6	1.2	1.9	19.2	2.8
	OCB	31,238	30	10,200	11,050	10,100	0.0	-3.3	-6.0	-6.5	7.0	0.9	12.9	1.1	28.9
	NAB	23,059	80	11,200	12,050	11,100	-0.4	-3.0	-6.3	-7.1	4.9	0.9	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	TCX	105,707	15	38,100	40,900	38,100	-3.8	-5.7	-6.6	-0.8	16.9	2.3	16.1	8.8	91.2
	VCK	70,613	25	29,000	31,150	28,600	-3.7	-3.8	-6.0	-12.1	9.8	2.3	19.3	3.5	96.5
	SSI	60,683	70	20,300	21,167	20,300	-3.3	-3.6	-3.1	-7.4	12.0	1.5	13.9	30.0	70.0
	VPX	45,000	20	24,000	26,200	24,000	-3.0	-5.1	-6.3	-6.4	10.2	1.3	14.4	4.0	96.0
	HCM	34,424	55	25,500	27,350	25,000	-3.0	-3.4	-3.8	6.1	23.8	2.1	10.7	34.7	14.3
	VIX	34,089	100	13,250	13,810	13,238	-4.0	-5.4	-2.0	-17.4	6.4	1.0	15.7	7.2	92.8
	VCI	23,102	75	20,050	22,850	20,000	-5.9	-10.1	-9.3	-14.3	14.3	1.3	9.8	8.6	91.4
	VND	23,063	75	15,150	17,350	15,150	-4.4	-7.3	-10.4	-11.9	8.5	1.1	13.1	17.0	83.1
	DSE	9,336	35	21,800	22,700	21,800	-2.2	-2.2	-4.0	1.6	34.0	1.7	5.0	10.6	89.5
	EVF	8,899	95	11,700	12,650	11,500	-1.3	-5.3	-6.0	-13.7	9.5	0.9	9.4	0.2	14.8
	FTS	7,833	40	20,550	23,300	20,400	-4.0	-8.5	-9.3	-10.7	18.6	1.8	9.7	24.6	75.5
	BSI	7,233	14	26,800	30,200	26,800	-4.3	-8.5	-8.8	-12.0	14.4	1.3	9.3	35.4	64.6
	CTS	5,853	25	21,500	23,850	21,500	-3.4	-6.9	-6.7	0.8	15.5	2.0	14.0	0.3	48.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **11/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	47,509	10	64,000	68,000	63,100	1.6	-2.1	-3.0	-5.2	14.3	1.8	13.3	27.2	21.8
Xây dựng cơ bản	GEE	39,711	14	62,000	74,300	62,000	-3.0	-0.8	-16.6	-35.1	11.1	4.9	47.9	0.8	49.3
	GEX	31,338	70	23,950	26,500	23,950	-4.4	-7.7	-9.3	-21.5	22.8	1.6	8.0	6.3	43.7
	REE	27,999	35	44,950	47,900	44,900	-1.2	-1.3	-4.9	-11.2	10.6	1.3	12.8	48.9	0.1
	VGC	18,382	12	41,000	41,800	40,050	-1.2	2.8	0.0	-2.6	12.9	2.2	16.3	0.9	48.1
	BMP	11,485	45	140,300	149,800	140,300	-1.2	-1.9	-5.8	3.8	9.0	4.0	45.4	82.3	17.7
	VCG	10,508	55	15,050	16,200	15,050	-2.6	-4.4	-5.9	-17.1	2.7	0.9	39.3	2.0	47.0
	CTR	9,480	35	74,000	77,300	72,600	0.5	-2.1	-2.0	-6.4	14.5	4.2	30.9	3.4	36.6
	CII	8,904	95	13,250	14,550	13,250	-5.7	-7.0	-6.7	-23.0	90.6	0.9	1.0	5.7	43.3
	PC1	8,390	60	20,400	21,150	20,200	-0.2	1.5	-0.7	2.3	8.3	1.3	16.4	8.2	41.8
	CTD	6,486	55	58,000	63,500	57,500	-1.7	-6.3	-7.5	-19.0	7.7	0.7	9.2	46.7	3.3
	HHV	5,220	85	9,540	10,350	9,540	-2.9	-4.4	-6.0	-12.5	8.2	0.5	5.8	10.3	38.7
Nguyên vật liệu	HPG	179,836	60	21,300	22,250	21,300	-2.5	-1.8	-3.4	-8.6	7.7	1.3	17.4	21.8	27.2
	GVR	120,000	4	30,000	32,200	30,000	-5.4	-4.8	-4.5	-15.3	16.7	2.0	12.3	0.6	-0.6
	DCM	17,206	25	32,500	33,300	31,450	0.0	-0.2	3.2	-14.1	7.5	1.5	21.3	4.8	44.3
	DPM	15,230	40	22,400	23,150	22,350	-0.9	-1.8	-0.2	-8.2	9.3	1.3	15.0	3.4	46.6
	HSG	8,234	70	10,200	11,100	10,200	-2.9	-3.8	-6.4	-13.6	12.5	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	8,000	35	32,800	33,900	32,450	-2.3	-4.5	0.6	-8.5	8.6	1.7	22.1	10.8	-10.8
	NKG	5,022	75	10,200	11,400	10,100	-4.2	-5.1	-8.9	-15.6	30.1	0.7	2.2	4.8	45.2
	HT1	4,617	25	12,100	13,350	12,000	0.4	-3.2	-8.7	-12.0	11.9	0.9	7.7	2.2	46.8
Vận tải	VJC	95,906	35	124,700	128,000	123,700	-0.4	0.2	-2.0	-8.7	43.5	3.6	8.7	6.1	23.9
	GMD	31,817	95	74,600	78,500	74,200	-0.8	-3.6	-3.6	-1.3	13.2	2.3	18.6	39.1	9.9
	VTP	10,046	40	49,500	54,500	49,500	-2.6	-3.5	-9.2	-9.2	31.1	4.3	15.6	3.7	45.3
	VSC	4,867	95	13,000	15,200	13,000	-4.1	-6.5	-12.2	-29.5	14.2	0.9	6.7	1.5	47.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **11/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	105,313	75	71,300	74,000	71,300	-2.2	-2.5	-2.6	-7.3	10.6	2.9	30.2	49.0	0.0
	FRT	24,498	55	137,000	146,500	136,000	-2.1	-4.0	-6.5	20.9	21.5	5.1	29.7	33.3	15.7
	PNJ	19,087	90	37,300	38,300	34,850	-2.4	-6.9	7.0	-39.8	7.9	1.4	17.8	45.0	4.0
	DGW	9,917	55	44,400	47,000	40,200	-0.8	10.9	7.9	13.4	11.7	2.6	24.6	25.2	23.8
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	185,390	20	141,800	142,400	135,500	-0.1	-0.1	4.3	8.8	26.2	9.8	39.4	15.7	84.3
	VNM	125,188	40	59,900	63,300	59,800	-2.8	-3.2	-3.4	1.2	12.7	3.9	31.1	49.8	50.2
	MSN	97,115	60	66,500	68,700	66,500	-3.2	-3.6	-0.9	-6.3	14.3	2.5	19.5	24.0	76.0
	SAB	56,240	11	43,850	46,350	43,100	-2.2	-3.3	-3.9	-9.8	12.2	2.9	22.6	58.8	41.2
	SBT	20,757	60	22,900	23,050	21,100	-0.7	-0.4	7.5	4.6	29.3	1.8	6.5	20.1	79.9
	HAG	17,237	50	13,600	14,500	13,600	-2.5	-2.9	-3.5	-10.8	5.1	1.1	26.0	1.6	47.4
	KDC	14,177	45	51,300	51,900	50,900	-0.4	-1.2	-0.4	0.6	26.4	2.5	9.1	13.2	36.9
	BAF	11,693	70	32,050	32,200	30,400	-0.5	-1.5	3.2	11.0	117.5	2.7	3.2	4.1	45.9
	VHC	10,515	40	50,200	52,900	50,100	-2.7	-4.4	-3.6	-11.9	7.7	1.1	15.5	18.0	82.0
	DBC	6,897	70	16,000	16,950	16,000	-3.0	-4.8	-4.2	-13.5	6.0	0.8	14.3	1.3	47.7
	PAN	4,562	45	18,200	21,050	18,050	-1.6	-5.0	-12.5	-20.2	3.7	0.9	22.6	21.4	27.6
	ANV	4,167	30	15,650	17,950	15,650	-3.4	-7.7	-11.1	-24.0	4.8	1.1	24.3	2.5	46.5
Dầu khí	BSR	137,951	8	27,550	28,200	26,050	1.7	3.0	5.8	-1.8	6.9	1.9	30.4	1.1	47.9
	PLX	44,725	10	35,200	37,900	35,200	-0.8	-2.2	-3.8	-11.7	14.6	1.7	9.1	14.1	6.0
	PVD	17,210	50	18,550	19,350	18,200	0.3	-3.4	1.9	2.7	17.8	1.0	5.4	8.3	41.7
	PVT	11,424	50	22,100	22,850	19,150	1.6	9.4	12.2	11.3	10.2	1.2	15.6	14.8	34.2
Tiện ích	GAS	200,034	5	82,900	86,700	77,400	-2.0	-1.3	7.0	0.5	15.7	2.9	18.4	2.1	46.9
	POW	38,655	20	12,600	13,900	12,600	-1.9	-1.9	-8.4	-7.4	6.4	0.9	16.1	3.8	46.2
	BWE	10,469	25	41,650	44,400	41,600	-0.2	-0.7	-6.2	-3.3	10.3	1.5	15.9	2.2	46.8
	NT2	5,901	30	20,500	21,900	20,450	-1.4	0.2	-5.1	-8.3	4.8	1.2	26.5	9.5	39.5
CNTT	FPT	124,632	85	72,700	74,400	71,000	-2.4	-0.1	2.1	-0.5	12.4	3.1	27.3	28.1	20.9
	CMG	5,438	40	23,350	25,250	23,150	-1.7	-1.9	-6.2	-14.2	13.2	1.7	13.4	36.4	13.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **11/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.